

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2019/DS-ST
Ngày: 19 – 11 – 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thu Thủy.

2. Ông Đoàn Anh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985; trú tại: 39/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Quang T, sinh năm 1986; trú tại: 187/16 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Như M, sinh năm 1963; trú tại: 34/1 khu phố Y, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; trú tại: 813/7A khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/7/2017 ông Trần Thanh T cho bà Nguyễn Thị Như M vay 50.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay, thời hạn vay đến ngày 10/10/2017, không thỏa thuận lãi suất. Hết thời hạn vay, bà M không trả lại tiền cho ông T như cam kết.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông T 50.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 11/10/2017 đến ngày 10/8/2019 là: 50.000.000 đồng x 2%/tháng x 22 tháng = 22.000.000 đồng. Tổng cộng 72.000.000 đồng.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: CMND, sổ hộ khẩu ông T; hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017.

- *Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh H trình bày:*

Bà H là vợ của ông Trần Thanh T, số tiền ông T cho bà M vay là tài sản riêng của ông T, bà H không liên quan và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, cụ thể: Yêu cầu bà M có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi (từ ngày 11/10/2017 đến ngày 10/11/2019) là 25 tháng x 50.000.000 đồng x 10%/năm = 10.416.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các qui định tại điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Như M vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, tài liệu chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Theo giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn có vay 50.000.000 đồng của nguyên đơn, thời hạn vay đến ngày 10/10/2017. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho vay. Tuy nhiên, hết thời hạn vay, bị đơn không trả lại tiền vay là vi phạm nghĩa vụ của mình, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, do các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, cụ thể 25 tháng (từ ngày 11/10/2017 đến ngày 10/11/2019) x 50.000.000 đồng x 10%/năm = 10.416.000 đồng là có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh H xác định không liên quan đến khoản tiền ông T cho bà M vay, đây là tài sản riêng của ông T nên cần buộc bà M giao trả cho ông T.

Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và 10.416.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 60.416.000 đồng.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Các Điều 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Như M.

Buộc bà Nguyễn Thị Như M có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Thanh T số tiền 60.416.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.416.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Như M phải chịu 3.020.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Thanh T số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0035931 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phạm Anh Thi